

SỐ 1963

TỊNH ĐỘ LUẬN

Ngài Ca Tà soạn giải thích tại chùa Hoàng Pháp ở Đố đố.

QUYỂN THƯỢNG

Có một công tử Tục gia tâm nhiều vướng mắc đến hỏi vị Tiên sinh Tịnh độ rằng:

- Tôi từng nghe Phật giáo rộng không, đường ngôn ngữ dứt bật, pháp môn u huyền chỗ tâm hành mất. Còn quyển luận này là những lời phát xuất từ vọng tình tâm hạnh, không lời nào chẳng là ý tưởng đảo điên. Nay ngài muốn gửi thân về cõi Tây phương, chuyên tán thán Đức Phật Di-đà thì lời “đường ngôn ngữ dứt” chưa đúng sai lầm, “chỗ tâm hành mất” ít phải. Chỉ vì tôi tình thức còn thiếu cận ngưng trệ chưa thông phương lớn, xin gõ cửa mầu mong Ngài mở bày chỗ kín. Nhưng trong cõi nước chẳng có uest, tịnh. Nếu tâm mình chuyên chú tưởng niệm Tây phương, hiểu cho được chỗ chưa hiểu, thì mười phương thế giới đều thanh tịnh, tại sao phải quy về Tây phương? Tôi mang tâm trạng thắc mắc như thế, mong ngài khai mở giúp.

Tiên sinh đáp: Hay thay lời ông hỏi! Chẳng phải hàng triết sĩ tinh tường thì ai có thể chỉ bày được. Pháp môn u huyền thật là ý chỉ của Như Lai, hết lòng hổ thẹn vì không đủ sáng suốt để thử luận việc này. Phạm bậc đạt ngộ có cái nhìn thông suốt thì thấy cái gì cũng đều phải, còn phạm phu trí cận thì gặp việc liền sinh ngưng trệ. Nhưng Thánh giáo phạm vi rộng rãi, giai vị gồm có tám vạn, song luận một cách tóm tắt thì không ngoài lý và sự. Hai môn này giống như xe có hai bánh, chim có hai cánh, thiếu một thì không thể đi xa được. Như Khởi Tín Luận có hai môn chỉ quán, Chỉ là duyên lý, Quán là duyên sự, nếu chưa thông đạt

hai môn này thì mù mờ sinh trệ. “Đường ngôn ngữ dứt, chỗ tâm hành mất” là lý, niệם Phật kỳ hẹn vãng sinh Tây phương là sự. Ba cõi đều do tâm tạo, cõi chẳng có như, nếu chưa đến bậc Thập địa thì hãy nương nơi cảnh để tịnh tâm mình, tuy mười phương đều thanh tịnh nhưng đó là chỉ chung cho các cảnh giới. Còn ở đây chỉ muốn chuyên tưởng vãng sinh, vì thế chỉ về Tây phương vậy.

CHƯƠNG I:

Định thể tánh Cõi Tịnh độ: Có hai phần:

- Nói rõ thể tánh.
- Nói rõ thuộc về hoặc không thuộc về ba cõi.

Hỏi: Cửa Tịnh độ Phàm Thánh cũng muốn vào, cõi nước báu của Đức Phật Di-đà mười niệם có thể lên. Đã cho người tu Đại thừa, Tiểu thừa đều về, muôn loài đều được vãng sinh, chưa biết thể tánh, tướng trạng cõi đó như thế nào?

Đáp: Phàm sắc đẹp thì hoa mắt, lời khéo thì lý mờ, nay muốn cho người trí, kể ngu cùng rõ, vì thế hãy bỏ lời hảo, chỉ nói vào điểm cốt yếu vậy.

Nói rõ Thể tánh có ba môn:

- Pháp thân Tịnh độ.
- Báo thân Tịnh độ.
- Hóa thân Tịnh độ.

1. Pháp Thân Tịnh độ có hai nghĩa:

a. Nêu ra thể của người An Lạc (năng trụ).

Thể của người an trụ:

Theo Khởi Tín luận giải thích thể Như Lai tạng gồm đủ ba nghĩa đại:

Thể đại: Tất cả pháp đều chân như bình đẳng, vì không tăng, không giảm, đây tức là Nhất vị chân như. Thể này không những bao hàm các pháp trong ngoài mà còn quán thông cả Phàm Thánh.

Tướng đại: Như Lai tạng đầy đủ công đức vô lậu, đây tức là nghĩa hằng sa muôn đức sai khác. Nơi hữu tình thì có Phật tánh, nơi vô tình thì không, nên kinh Niết-bàn nói: Các vật vô tình như tường, vách, ngói, đá, chẳng có Phật tánh.

Dụng đại: Có thể sinh nhân quả thiện thế gian, xuất thế gian, đây tức là dụng của tướng.

Nay đã lấy hai nghĩa tướng đại và dụng đại làm của người năng trụ ân, nếu luận về sự sai biệt thì tất cả pháp đều nương vào Nhất vị

chân như mà được thành lập.

b. Nêu ra thể của cõi đã an trụ vào:

Tức lấy nghĩa thể đại của Nhất vị chân như làm thể của cõi đã trụ, nghĩa là làm chỗ nương cho hằng sa muôn đức, ở đây nhân (người) và độ (cõi nước) cùng thể mà nghĩa thì có hai.

2. *Báo Thân Tịnh độ có hai loại:*

a. Thật báo độ.

b. Sự dụng độ.

- Thật báo độ: Người và cõi cùng thể, nghĩa là lúc mới sinh khởi muôn đức làm thể của cõi. Như trong mười tám pháp viên tịnh của Nhiếp Đại thừa luận nói: Đại không, vô tướng... là cửa, ba tuệ là đường, và trong kinh Duy-ma nói tổng trì như vườn tược các pháp vô lậu như rừng cây...

Luận về người năng trụ, nếu muôn đức đầy đủ thì thành Phật. Đối với người và cõi này, tất cả Bồ-tát địa vị dưới cho đến Bồ-tát Kim cang tâm cũng không thấy được, chỉ có Phật thấy Phật mà thôi.

- Sự dụng độ.

Ở đây người và cõi khác thể, nghĩa là lấy thế giới Lưu ly kha Liên hoa tạng... làm thể của cõi đã trụ, nên Nhiếp Đại thừa luận nói: Cõi Tịnh độ lấy hoa sen vương làm chỗ nương, lấy đại định, đại bi, sắc mầu, tướng tốt... làm thể của người năng trụ, Nhiếp Đại thừa luận nói: Ứng thân lấy đại định, đại bi làm thể.

Đối với người và cõi này Bồ-tát từ Sơ địa trở lên thấy tùy phần cho đến Bồ-tát Thập địa đều thấy được nhưng không đồng; Vì địa vị có trên và dưới, nên sự thấy cũng có thô diệu khác nhau. Nhiếp luận nói: Nếu lìa Ứng thân, thì tư lương Bồ-đề của Bồ-tát Sơ địa trở lên không đầy đủ. Thân này hoặc gọi là Báo thân, Thọ dụng thân hay Ứng thân. Đáp trả gọi là Báo, đáp lý gọi là Ứng. Dem pháp thân nội chứng truyền dạy cho thập địa Bồ-tát gọi là Thọ dụng thân, hoặc thực thân. Thực thân và Thọ dụng thân nghĩa như nhau.

3. *Hóa Thân Tịnh độ có hai loại:*

a. Thường tùy Hóa thân.

Dem cái thân làm lợi ích cho chúng sinh trải qua ba đại A-tăng-kỳ kiếp thường hành rộng lớn gọi là Thường tùy hóa thân. Thân này có ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp, bao lần tái sinh, bao thuở Niết-bàn, hoặc một trăm năm, hoặc một kiếp, thường hiện không dứt tại cõi này hay cõi khác.

b. Vô ni hốt hữu Hóa thân (thân vốn không mà chợt có).

Nghĩa là nương Thường tùy hóa thân liền hiện nhiều hóa thân khác. Như Đức Thích Ca Như Lai là Thường tùy hóa thân liền khởi phân thân gọi là Vô ni hốt hữu hóa thân, vì có lúc hiện khỉ, vượn, hươu, ngựa, các thứ thân hình chứ không phải chỉ có hiện thân Phật. Thân đã có hai, cội cũng như thế. Như các hoa sen sáu mẫu, trong thế giới Diệu Hỷ, là Thường tùy hóa Tịnh độ, trong kinh Duy-ma, mỗi khi Đức Như Lai ấn ngón chân xuống đất, ba ngàn thế giới đều thanh tịnh đó là Vô ni hốt hữu hóa Tịnh độ. Hai thân và hai Tịnh độ này Bồ-tát trước thập địa, hàng Nhị thừa, phàm phu đều thấy được, nên Nhiếp Đại thừa luận nói: Nếu lia Hóa thân, thì hàng Thanh văn còn thô thiếu và chúng sinh mới phát tâm tu hành cầu giải thoát đều không thành tựu. Huệ nhãn, Pháp nhãn, Phật nhãn trong ngũ nhãn thấy được pháp thân, pháp thân Tịnh độ; nhục nhãn, Thiên nhãn thấy được Báo thân, Báo thân Tịnh độ và Hóa thân, Hóa thân Tịnh độ.

Hỏi: Cõi đã có ba, chưa biết Tây phương là cõi nào?

Đáp: Tây phương cũng có đủ ba loại: Như cõi mà Bồ-tát nhập Sơ địa trở lên Bồ-tát Chánh thể trí thấy là Pháp thân Tịnh độ; (ở địa vị hồi hướng thứ mười) sau khi gia hạnh được trí thấy là Báo thân Tịnh độ; Bồ-tát trước thập địa, hàng Nhị thừa, phàm phu thấy là Hóa thân Tịnh độ. Như Bồ-tát Long Thọ... vãng sinh thấy đủ ba loại là pháp thân Tịnh độ, Báo thân Tịnh độ, và Hóa thân Tịnh độ. Vì lẽ cõi trên thấy được cõi dưới nên trong các kinh luận hoặc bảo là Báo thân Tịnh độ, hoặc bảo là Hóa thân Tịnh độ, đều không sai tôn chỉ.

Hỏi: Đã biết Tây phương có đủ ba cõi, chưa biết nay phàm phu niệm Phật cầu vãng sinh, được về cõi nào?

Đáp: Theo Nhiếp luận thì chỉ những ai sinh về Hóa độ thì không thấy Pháp độ và Báo độ.

Trong Hóa độ có hai loại:

- Thai sinh độ.
- Hóa sinh độ.

1. Thai sinh độ có hai:

a. Người còn nghi ngờ sinh vào cung điện bằng bảy báu trong thành ở ngoài biên cõi Cực lạc, năm trăm năm không thấy Phật nên gọi là thai. (Đây là kinh Vô Lượng Thọ nói).

b. Thật có cha mẹ gọi là thai. Như kinh Cổ Âm Thinh Vương Đà-la-ni nói: Đức Phật A-di-đà cũng có cha mẹ... và thành tên Thanh thái rộng mười ngàn do-tuần, trong thành đầy chủng tộc Sát-lợi. Cha tên Nguyệt Thượng Chuyển luân Thánh vương, mẹ tên Thù Thắng Diệu

Nhan; con tên Nguyệt Minh, đệ tử phụng sự tên Vô Cấu Xưng, đệ tử trí tuệ tên Lâm Quang, đệ tử thần túc tên Chủ Hóa, ma tên Vô Thắng; Đề-bà-đạt-đa (khi ấy) tên là Tịch.

(Cõi này là do Đức Phật Di-đà tự biến hóa ra, tất cả chúng sinh chẳng phải nay niệm Phật được vãng sinh về đó. Cõi này tuy là một, nhưng thấy thì có khác).

2. Hóa sinh độ.

- Theo kinh luận, Hóa sinh độ có đủ ba loại:

a. Cõi thuần Đại thừa: Chúng sinh tu học thuần theo Đại thừa được sinh về cõi này, tức những người thuộc ba phẩm bậc thượng trong chín phẩm vãng sinh, nên Vãng sinh luận nói: Các cõi thiện căn Đại thừa không khinh chê người nữ và hàng Nhị thừa căn khuyết, vì cho rằng mọi người đều có thể vãng sinh.

b. Cõi thuần Tiểu thừa: Chúng sinh tu học thuần theo Tiểu thừa sinh về cõi này, tức những người thuộc hai phẩm đầu của bậc trung trong chín phẩm vãng sinh, nên trong Trí độ luận nói: Có Tịnh độ vi diệu ra ngoài ba cõi, các vị A-la-hán sẽ sinh về đó.

c. Cõi chung cho Đại thừa, Tiểu thừa: Chúng sinh nào tu học Đại thừa lẫn Tiểu thừa sinh về cõi này, tức những người thuộc phẩm cuối bậc trung và ba phẩm bậc hạ trong chín phẩm vãng sinh. Như kinh Trung Phẩm hạ sinh nói: Đó là những người hiếu dưỡng cha mẹ, ở đời làm việc nhân từ, gặp được thiện tri thức dạy cho bốn mươi tám đại nguyện của Đức Phật Di-đà... Người đó nghe bốn mươi tám đại nguyện với tâm chưa nhất định hướng theo Đại thừa hay Tiểu thừa, sinh về cõi này rồi, tuy chứng quả A-la-hán, nhưng về sau mới hồi tâm hướng về Đại thừa. Những người sinh vào ba phẩm bậc hạ cũng được nghe bốn mươi tám đại nguyện, mười hai bộ kinh hoặc niệm danh hiệu Đức Phật A-di-đà, sinh về cõi này rồi, mọi người đều phát tâm Bồ-đề.

Luận chung, Tịnh độ có ba cõi. Nếu phân chia một cách chi li thì do tâm hạnh chúng sinh đã có muôn ngàn sai khác, Tịnh độ vãng sinh cũng có muôn ngàn sai khác. Để giải thích rõ ràng, trong các kinh luận gọi là Báo độ hoặc Hóa độ đều không trở ngại; nên biết rằng chư Phật tu hành viên mãn, cảm đủ Báo độ và Hóa độ. Theo Nhiếp luận, Gia hạnh vị cảm Hóa độ, Chánh thể trí cảm Hóa độ, các cõi như Báo độ hoặc Hóa độ cũng đều muốn thành tựu đạo nghiệp cho chúng sinh mà thôi. Thế thì Tịnh độ được lập bày chẳng đối gạt, hạnh nguyện tu hành ở cõi này chẳng trống không, tin lời Phật dạy, y kinh chuyên niệm danh hiệu Đức Phật Di-đà liền được vãng sinh, cũng chẳng phải lo tính sinh

về Báo độ hay Hóa độ.

Hỏi: Pháp thân Tịnh độ lý rộng khắp còn có thể biết, còn Báo độ, Hóa độ phải có bờ cõi. Nếu nói Tây phương đã có đủ Báo độ, Hóa độ, căn cứ vào văn kinh nào làm chứng?

Đáp: Báo độ, Hóa độ hoặc có bờ cõi, hoặc không.

1. Báo độ:

- Như Thật báo độ trong Báo độ không có bờ cõi, nghĩa là Đức Như Lai đầy đủ tám muôn hạnh nguyện, trải qua ba thời A-tăng-kỳ nói đủ hai giáo, năm phần pháp thân sáng tỏ, đức tướng cùng khắp núi sông, tam minh tỏ rõ, hai trí cùng soi. Giống như rỗng ngậm thì mây hiện, hổ gầm thì gió theo, đâu được lấy của báu thù diệu trang sức, không thể lấy giới hạn đối chứng. Cõi này chỉ có Phật tự tuyên dương sự trang lệ, các bậc Bồ-tát (từ Sơ địa trở lên đến Bồ-tát kim cương tâm) cũng không thể biết được.

- Sự Báo độ: Nghĩa là dưới được nâng bằng trụ kim cương, trên có đất lưu ly lấp lánh, bên ngoài có lan can bảy báu vây quanh, bên trong có ao trong mát đầy nước tám công đức, chiếc bè kết bằng châu ngọc ở rừng xanh, những màn lưới báu quấn quanh cung điện đã được như vậy, thân cũng đầy đủ muôn đức hoa lệ như quốc độ thì có bờ cõi.

2. Hóa độ.

Nếu căn cứ vào đại bi nguyện lực của chư Phật thì tất cả cõi chúng sinh không đâu không cùng khắp thì không thể đối chứng. Còn căn cứ vào thân giáo hóa chúng sinh, lúc thị hiện, lúc Niết-bàn, thì có bờ cõi.

Nhưng nói Tây phương là Báo độ thì dựa vào kinh Đại thừa Đồng Tánh nói: Ngài Bồ-tát Trí Thông hỏi Đức Phật rằng: “Bạch Đức Thế Tôn! Những gì là Báo thân của Như Lai?”

Đức Phật đáp: “Như nay ông hiện thấy ta thì là Báo thân của Như Lai. Lại trong cõi thanh tịnh có Bồ-tát đã thành Chánh giác và sẽ thành Chánh giác thì tất cả thân đó đều là Báo thân.”

Giải: Trong cõi Tịnh độ, người đã thành Phật được xem là Báo thân, đồng thời cũng được xem là Thọ dụng thân, nhưng chẳng phải là Thật báo thân. Còn phần Hóa thân, tức là vi tế Hóa thân vậy.

Kinh nói: “Ông nay hiện thấy ta thì thân này là Báo thân của Như Lai.” Nghĩa là trong cõi ược cũng thấy được Báo thân vậy. Kinh này lại nói: “Trong đời ngũ trước thành Phật, giáo pháp trải qua ba thời: Chánh pháp, tượng pháp và mạt pháp, thì thân Phật là Ứng hóa thân.” Như thế kinh phán trong cõi ược thành Phật đều là Hóa thân mà cũng tức là Báo thân. Trong cõi ược đã thấy được Báo thân, thế thì trong cõi tịnh lẽ này

không thấy được Hóa thân? Cho nên biết rằng trong hai cõi tịnh, uế đều có đủ hai thân vậy.

Còn nói rằng quốc độ đó được hóa hiện là dựa vào kinh Quán Thế Âm thọ ký. Kinh này nói: Nay Thiện nam tử, Đức Phật A-di-đà thọ mạng vô lượng trăm ngàn ức kiếp, nhưng sẽ có ngày nhập Niết-bàn. Sau khi Phật nhập Niết-bàn, chánh pháp trụ ở đời ngang bằng với thọ mạng của Phật. Thiện nam tử, sau khi chánh pháp của Đức Phật A-di-đà diệt, qua nửa đêm khi tướng sáng xuất hiện, Bồ-tát Quán thế Âm ngồi dưới cây Bồ-đề thành Đẳng Chánh Giác, hiệu là Phổ Quang Công Đức Sơn Vương Như Lai. Cõi nước ấy không nghe có tên Thanh văn, Duyên giác, và có tên là Chúng Bảo Phổ Tập Trang Nghiêm. Đức Phổ quang Công đức Như Lai nhập Niết-bàn, sau khi chánh pháp diệt, Bồ-tát Đại Thế Chí ở trong nước thành Phật hiệu là Thiện Trụ Bảo Vương Như Lai; cõi nước sáng suốt, thọ mạng của Phật cũng bằng với cõi nước Chúng Bảo Phổ Tập trang nghiêm không khác. Lại dựa vào kinh Cổ âm Thịnh vương Đà-la-ni thì Đức Phật A-di-đà có cha mẹ, con và các đệ tử như ngài Xá-lợi-phất, Mục-kiền-liên và Đề-bà đạt-đa...

Nói rõ thuộc về hoặc không thuộc về ba cõi

Hỏi: Báo độ thuần thanh tịnh vi diệu dứt hẳn ba cõi, chúng sinh được giáo hóa đã vượt khỏi phần đoạn sinh tử. Cõi này ra ngoài ba cõi, lý ấy cũng dễ tin, còn Hóa độ tuy tịnh nhưng sự thanh tịnh chưa được diệu dụng, chúng sinh được giáo hóa lại ở trước thập địa, thế thì cõi này có thuộc về hay không thuộc về ba cõi?

Đáp: Nếu đứng về Phật mà luận thì cõi này dứt hẳn tam giới, còn từ chúng sinh mà nhìn thì có đủ hai nghĩa: Hoặc thuộc về hay không thuộc về .

a. Nói rõ nghĩa nhiếp.

Nếu căn cứ vào phạm phu và những bậc hữu học Thanh văn vãng sinh thì Tịnh độ thuộc về tam giới, vì những chúng sinh này chưa ra khỏi tam giới.

Hỏi: Nghĩa này có thể hiểu như thế nào?

Đáp: Như kinh Vô Lượng Thọ nói: Ngài A-nan thưa Đức Phật rằng: “Bạch Đức Thế Tôn! Cõi kia đã không có núi Tu-di... thì các cõi trời như Tứ Thiên vương, Đạo lợi nương vào đâu mà trụ?”

Đức Phật đáp: “Nương nghiệp lực mà trụ. Đã có người, lại có các cõi trời như Tứ Thiên vương v.v..., nên biết tức có Dục giới.”

Kinh này lại nói: “Đức Phật bảo Bồ-tát Di-lặc rằng: Như Ông thấy từ đại địa trở lên cho đến cõi trời Tịnh Cư, những nơi đó có các việc

trang nghiêm chẳng?”

Bồ-tát Di-lặc thưa: “Bạch Đức Thế Tôn! Con đã thấy”. Vì thế nên biết có hai cõi là Dục giới và Sắc giới, nhưng không bàn đến Vô sắc giới.

Hỏi: Vì sao không luận về Vô sắc giới?

Đáp: Ý muốn tán thán Tịnh độ mầu nhiệm trang nghiêm, là cõi tiếp dẫn muôn loài vãng sinh, vì thế không luận về Vô sắc giới, nhưng thể của nó vẫn có vậy.

Hỏi: Thân và Tịnh độ này đều là Dục giới, vì sao Phật dạy mọi người vãng sinh?

Đáp: Tịnh độ tên tuy đồng là Dục giới nhưng nghĩa thì có khác. Ở đây Dục giới có đủ hai nghĩa: Một là thượng tâm dục, hai là chủng tử dục. Do đủ hai nghĩa này nên có nam, nữ tạp nhiễm, ham muốn đỏi theo sắc đẹp, tiếng hay, ưa thích ở trong nhà lửa tam giới. Tây phương Dục giới chỉ có chủng tử dục, không có thượng tâm dục. Vì không có thượng tâm dục nên không có các lỗi vừa kể ở trên, cũng không có tâm ác và tâm vô ký, chỉ có tâm thiện. Cho nên, đoạn nói về mười tám món viên tịnh của Báo thân Phật trong Nhiếp luận nói: Cõi Tịnh độ chỉ có lạc thọ, không có khổ thọ và xả thọ. Như kinh Đại Pháp Cỗ nói: Khổ thọ là bất thiện, lạc thọ là thiện, xả thọ là vô ký. Vì chỉ có tâm thiện nên không còn khởi tâm ác nữa, nên kinh Vô Lượng Thọ nói: Trong cõi nước của Đức Phật Di-đà không cho tạo ác đầu bằng một mảy lông. Vì vậy, tuy nói Tây phương là Dục giới, há có thể giống nhau ư? Như Dục giới, Sắc giới cũng nên hiểu như thế.

Hỏi: Cõi Tịnh độ thù thắng vi diệu, muôn loài đều ưa thích, kính ngưỡng, Đức Phật đã muốn khuyên mọi người vãng sinh về đó, vì sao lại nói là thuộc về tam giới?

Đáp: Đây là kinh nói, chẳng quan hệ gì với người. Lại nữa, nếu Tịnh độ thuộc về tam giới thì chúng sinh chưa đoạn hết lậu hoặc tam giới cũng được vãng sinh. Còn nếu ra ngoài tam giới thì phàm phu và những bậc hữu học Thanh văn đều mất phần, vì không thể đem chúng sinh còn đầy đầy phiền não trong tam giới khiến sinh trong Báo độ ngoài tam giới được. Do Tịnh độ ở trong tam giới cho nên vãng sinh thì dễ, lại không có thượng tâm dục nên rất ráo không thoái chuyển nơi đạo Vô thượng Bồ-đề.

Hỏi: Tịnh độ đã thuộc về Tam giới thì chúng sinh trong đó phải thoái chuyển, vì sao gọi là không thoái chuyển?

Đáp: Tam giới tên tuy chung với Tịnh độ, nhưng hai cõi không

phải chỉ một loại. Như thế giới Diêu Hỷ ở phương Đông có cõi Diêm-phù-đề, cõi trời Đao lợi, có nam lẫn nữ nhưng vẫn gọi là Tịnh độ, há ra ngoài tam giới, đã tại tam giới có người nữ nên cũng là cõi dục, có thể đồng với Dục giới cõi Sa-bà sao? Nhưng Thế giới Diêu Hỷ là cõi tịnh, còn Dục giới là cõi uế vậy. Nay phán định, vì Hóa Tịnh độ chỉ giáo hóa chúng sinh trong cõi giới nên đều ở trong tam giới, còn như Báo Tịnh độ giáo hóa chúng sinh ngoài cõi giới nên ra ngoài tam giới. Vì Tịnh độ có ba phẩm hơn kém nên có các cõi khác nhau. Như thế giới Diêu Hỷ ở phương Đông là Tịnh độ phẩm hạ, vì có nam lẫn nữ. Thế giới Cực lạc ở phương Tây là Tịnh độ phẩm trung, vì gồm cả Nhị thừa. Thế giới Chúng hương ở phương trên là Tịnh độ phẩm thượng, vì không có Nhị thừa. Ba phẩm Tịnh độ này đều ở trong Dục giới, vì đó là những cõi riêng cho loài người và trời vãng sinh. Thế giới Diêu Hỷ có người, trời, như kinh Duy-ma nói: Từ cõi Diêm-phù-đề đến cõi trời Đao lợi. Thế giới Cực lạc có người, trời như kinh Vô Lượng Thọ nói: Đức Phật bảo Bồ-tát Di-lặc rằng: Như Ông thấy từ đại địa trở lên cho đến trời Ngũ Tịnh Cư, những nơi đó có các việc trang nghiêm chăng? Thế giới Chúng Hương có người, trời, như kinh Duy-ma nói: Khiến các loài người và trời được vào luật hạnh. Các Tịnh độ này đã là cõi riêng cho người, trời vãng sinh, nên biết các cõi đó đều ở trong Dục giới. Còn như ở Sắc giới tuy có trời mà không có người, vì Sắc giới ở trên, loài người không thể lên được. Nếu Tịnh độ ra ngoài tam giới thì không có cõi riêng cho loài người và trời vãng sinh vậy. Như Tịnh độ Dục giới có ba phẩm, uế độ cũng có ba phẩm.

Như kinh nói: Từ đây về phương Đông có một thế giới tên là Tư-ha, ruộng ba phần chỉ toàn cát đá, một năm mưa có hai lần, đất thấm ướt không quá năm tấc. Chúng sinh ở cõi này chỉ ăn mầm cỏ, lấy vỏ cây làm áo, cầu sống không được, muốn chết cũng không xong. Cõi này là uế độ phẩm trung. Lại có một thế giới đầy rẫy loài thú độc như cạp, sói cho đến rắn rít, bò cạp, thủy đều có thể bay, đi qua lại, gặp nhau liền bắt ăn thịt, không phân biệt điều thiện ác. Cõi này là uế độ phẩm hạ. Còn thế giới Sa-bà thường có chư Phật ra đời, có chúng sinh phát tâm Bồ-đề, từ đất sinh ra lúa gạo, thức ăn, con người biết lễ nghĩa. Cõi này là uế độ phẩm thượng vậy. Tịnh độ tuy có ba phẩm nhưng khi sinh về đó thì đều được bất thoái, còn uế độ cũng có ba phẩm nhưng khi sinh về đó thấy đều thoái chuyển. Vả lại Tây phương Tịnh độ có bốn nhân duyên chỉ có tiến đạo, không có sự thoái chuyển:

1. Vì thọ mạng dài lâu nên không thoái chuyển. Như kinh nói: Thọ

mạng vô lượng A-tăng-kỳ kiếp, trải qua ba đại A-tăng-kỳ tinh tiến tu đạo thì được thành Phật, hưởng nữa là vô lượng A-tăng-kỳ. Còn uest độ vì thọ mạng ngắn ngủi nên thoái chuyển.

2. Có chư Phật, Bồ-tát làm thiện tri thức nên không thoái chuyển. Như kinh nói: Được câu hỏi một chỗ với các bậc thượng thiện như thế. Uế độ có nhiều ác tri thức nên thoái chuyển.

3. Không có người nữ, sáu căn sáu trần đều là duyên tiến đạo nên không thoái chuyển. Như kinh Vô Lượng Thọ nói: Mắt nhìn thấy sắc liền phát tâm Bồ-đề, cho đến ý căn duyên pháp trần cũng phát tâm Bồ-đề. Uế độ vì có người nữ, sáu căn sáu trần đều là duyên thối đạo nên thoái chuyển.

4. Chỉ có tâm thiện nên không thoái chuyển. Như kinh nói: Không hề tạo ác dầu bằng mảy lông. Uế độ vì có tâm ác, tâm vô ký nên thoái chuyển.

b. Nói rõ nghĩa không thuộc về ba cõi:

Nếu là Tịnh độ mà các bậc Bồ-tát từ Sơ địa trở lên và các bậc vô học như La-hán, Bích-chi vãng sinh thì không thuộc ba cõi, vì các vị đó đã trừ hết chánh sử, ra ngoài ba cõi. Như Đại Trí Độ luận nói: Có Tịnh độ vì diệu ra ngoài ba cõi, các vị A-la-hán sẽ sinh về đó. Trong luận chỉ nói đến A-la-hán mà không nói bậc hữu học, cho nên biết Tịnh độ các bậc hữu học vãng sinh đều ở trong ba cõi vậy.

CHƯƠNG II

Định người vãng sinh

(Người bậc nào được vãng sinh)

Hỏi: Đã biết thể tánh cõi Tịnh độ thông với Báo độ và Hóa độ, chưa biết người bậc nào được vãng sinh?

Đáp: Nay dựa vào kinh luận, nương theo ý Phật, thì người nào dựa vào kinh luận tu hành, không luận phạm hay Thánh, nam hay nữ cho đến người tạo tội thập ác, ngũ nghịch, người đó khi thọ mạng sắp hết, nếu hiện tiền chánh niệm, tâm không loạn động thì đều được vãng sinh, chỉ trừ người phỉ báng Đại thừa thì không được vãng sinh, đó là theo kinh Quán. Nếu nói theo kinh Vô Lượng Thọ thì trừ người tạo tội ngũ nghịch ra.

Hỏi: Hai kinh này đều chỉ do mỗi Đức Phật Thích-ca thuyết, vì sao kinh Vô Lượng Thọ thì trừ hai hạng, còn kinh Quán chỉ trừ có một?

Đáp: Trước chế sau khai là pháp thường của chư Phật. Kinh Vô Lượng Thọ Đức Phật thuyết trước để nói rộng nhân duyên của Ngài

Tỳ-kheo Pháp Tạng và nói rõ việc vãng sinh. Còn kinh Quán Đức Phật thuyết sau vì chỉ luận việc vãng sinh thôi.

Hỏi: Như kinh Vô Lượng Thọ nói: Chúng sinh sinh về cõi đó thấy đều trụ nơi chánh định. Còn kinh A-di-đà nói: Nay Xá-lợi-phất! Đối với cõi nước Cực lạc, nếu có chúng sinh sinh về đó rồi thì đều là bậc A-bệ-bạt trí. Căn cứ hai kinh này, các bậc Bồ-tát từ Thập giải (mười trụ) trở lên mới được vãng sinh, vì sao lại nói cho đến người tạo tội thập ác, ngũ nghịch cũng đều được vãng sinh?

Đáp: Chánh định hay A-bệ-bạt trí đều gọi là bất thoái, nghĩa bất thoái là thông, chẳng phải chỉ hạn cuộc từ Thập giải. Nay dựa vào sự giải thích của kinh luận thì bất thoái có bốn loại.

1. Niệm bất thoái: Nghĩa là các bậc Bồ-tát từ Bát địa trở lên.
2. Hạnh bất thoái: Nghĩa là các bậc Bồ-tát từ Sơ địa trở lên.
3. Vị bất thoái: Nghĩa là các bậc Bồ-tát từ thập giải trở lên.
4. Xứ bất thoái: Nghĩa là cõi Tịnh độ phương Tây.

Cho nên kinh Vô Lượng Thọ nói: Cõi kia không có tên tà định và bất định. Lại trong bốn mươi tám đại nguyện của Đức Phật Di-đà nói: Nếu như sau khi ta thành Phật, các hàng trời, người trong cõi nước của ta không trụ chánh định cho đến ngày diệt độ thì ta nguyện không thành chánh giác. Đã nói bất thoái thì địa vị bao gồm bốn loại, há có thể chỉ nêu ra một loại bất thoái để quyết định mà bỏ ba loại kia ư?

Hỏi: Phàm luận về bất thoái thì phải căn cứ vào hạnh vị, vì sao nói nương vào xứ mà được bất thoái?

Đáp: Hạnh vị bất thoái là vì trong tâm không còn phiền não, còn xứ sở bất thoái là vì bên ngoài không có cảnh duyên phiền não, mỗi loại đều căn cứ một nghĩa, há lạ lắm ư?

Hỏi: Ba bất thoái trên kinh luận đã minh chứng rõ, điều này có thể tin được. Còn xứ sở bất thoái thì không có văn kinh chứng minh, thế thì biết lấy gì làm tin?

Đáp: Nay dẫn Tỳ-bà-sa luận làm chứng. Như trong luận này nêu ra sáu loại chủng tánh:

1. Thối chủng tánh.
2. Tư chủng tánh.
3. Hộ chủng tánh.
4. Vị chủng tánh.
5. Thăng tiến chủng tánh.
6. Bất động chủng tánh.

Như hạng người chủng tánh lui sụt, giả sử đắc quả La-hán nhưng

cũng có khi trở lại khởi thoái tâm, cho đến khởi phiền não tu đạo trong tam giới, vì căn tánh của họ yếu mềm. Người này tuy thể tánh là thoái căn nếu người này là loài người trong Dục giới, khi gặp ngũ thoái cụ, tâm liền thoái chuyển. Còn như sinh vào cõi trời Lục dục, Sắc giới hay Vô sắc giới, tuy căn tánh là lui sụt nhưng nếu không có thoái cụ vẫn không thoái chuyển, vì xứ sở không có nhân duyên khiến tâm thoái chuyển nên được bất thoái. Ngũ thoái cụ là:

1. Bệnh tật lâu dài.
2. Đi xa.
3. Tụng kinh.
4. Lo công việc làm ăn.
5. Giảng hòa việc tranh cãi.

Năm loại này chỉ có trong loài người, còn các cõi trời thì không. Ba điều tụng kinh, tri sự, giảng hòa sự tranh cãi tuy là việc thiện nhưng phước bỏ việc nhập quán nên tâm vẫn thoái chuyển. Qua những việc trên, khi so sánh ý nghĩa bất thoái mà luận này và các kinh luận khác nói đến cũng có thể giống nhau. Như tất cả phàm phu chưa đến địa vị Thập giải, tuy niệm Phật nhưng vì còn ở ngoại phàm nên chủng tánh vẫn là hàng thoái chuyển. Người này như ở trong uest độ Sa-bà, vì gặp năm thoái duyên nên liền thoái chuyển, còn nếu sinh về Tây phương, không có năm thối duyên nên được bất thoái. Năm thoái duyên là:

1. Thọ mạng ngắn ngủi lại nhiều bệnh tật.
2. Có người nữ và sinh tâm đắm nhiễm sáu trần.
3. Người hay làm ác, nghĩa là ác tri thức.
4. Tâm bất thiện và tâm vô ký.
5. Thường không được gặp Phật.

Vì trong cõi Tịnh độ không có năm thoái duyên này nên chúng sinh rất ráo không còn thoái chuyển. Đây là dẫn Thánh giáo để chứng minh cho xứ sở bất thoái được rõ ràng vậy. Lại căn cứ kinh Quán và kinh Vô Lượng Thọ, hai kinh đều nói nếu người nào vãng sinh thì được bất thoái mà không nói bậc bất thoái mới được vãng sinh. Cho nên kinh Vô Lượng Thọ nói rằng: Nếu có chúng sinh nào sinh về cõi kia thì thấy đều trụ nơi chánh định. Vì sao vậy? Vì cõi kia không có tên Tà định và Bất định. Kinh A-di-đà cũng nói: Chúng sinh sinh về cõi đó rồi đều là bậc A-bệ-bạt trí mà không nói bậc A-bệ-bạt trí mới được vãng sinh. Cũng như cõi Sa-bà này loài người thọ đủ ba thọ, nhưng nếu được sinh về cõi kia rồi thì không có khổ thọ và xả thọ, chỉ có lạc thọ thôi, vì cõi kia không có khổ thọ và xả thọ vậy.

Hỏi: Như kinh Quán nói: Người sinh vào thượng phẩm thượng sinh, khi sinh về cõi kia liền ngộ Vô sinh pháp nhãn, đây chính là Bồ-tát Bát địa. Nên biết những bậc sinh vào bậc hạ là các Bồ-tát từ Thập giải trở lên. Như thế, nếu là các vị trước Thập giải được vô sinh pháp nhãn, chẳng những đã trái Thánh giáo mà địa vị còn khác nhau xa lắm.

Đáp: Không phải như vậy. Vô sinh pháp nhãn cũng có bốn loại:

Nướng vào giáo pháp mà được Vô sinh pháp nhãn, nghĩa là tất cả phàm phu và các bậc Bồ-tát thập tín đọc kinh luận Đại thừa sinh khởi vô sinh giải. Đây tức là Văn Tuệ.

Nướng vào quán tưởng được vô sinh pháp nhãn, nghĩa là các bậc Bồ-tát từ thập giải trở lên cho đến thập Hồi hướng, quán về ba vô tánh, không mà rõ được vạn pháp vô sinh. Đây tức là Tư Tuệ.

Chứng lý được vô sinh pháp nhãn, nghĩa là các bậc Bồ-tát từ Sơ địa trở lên, vì chứng được nhị không chân như cùng khắp pháp giới. Đây tức là Tu Tuệ.

Ước theo địa vị được Vô sinh pháp nhãn, nghĩa là các bậc Bồ-tát từ Bát địa trở lên, vì chứng được chân tục song hành mà đạt được trí vô công dụng. Đây tức là Tu Tuệ vậy.

Vô sinh pháp nhãn đã thông bốn loại này, há có thể cho một loại nào là cao quý mà loại trừ các loại khác sao?

Như ngài Tuệ Viễn pháp sư phán định: Bậc thượng phẩm thượng sinh là các Bồ-tát từ Tứ địa đến Bát địa. Còn Nhiếp Đại thừa luận nói: Nhân duyên sinh tử trong biến dịch sinh tử của Bồ-tát Tứ địa thì cõi Tây phương là phần đoạn sinh tử. Thế nào là Bồ-tát thọ biến dịch sinh tử còn phải chịu phần đoạn sinh tử?

Kinh Quán Thế Âm thọ ký nói: Đức Phật A-di-đà thọ mạng vô lượng mà cũng phải nhập Niết-bàn, nên biết chúng sinh thọ mạng tuy vô lượng nhưng tất có ngày chết, vì kinh A-di-đà cũng nói: Chúng sinh cũng gọi là A-di-đà. Nay dựa vào kinh Quán để phán xét những vị được sinh vào chín phẩm như sau:

Các bậc Đại đức từ xưa đến nay như ngài Tuệ Viễn pháp sư... xét quả mà những vị đó đạt được và phán xét địa vị thì rất cao, nhưng nay căn cứ trên nhân tu để đạt quả vị đó lại hơi thấp.

Như vị ở thượng phẩm thượng sinh chỉ phát ba loại tâm liền được vãng sinh. Ba loại tâm đó là:

1. Chí thành tâm.
2. Thâm tâm.
3. Hồi hướng phát nguyện tâm.

Theo Khởi Tín luận, ba tâm này được phán xét là tâm đầu của Thập giải. Như Khởi Tín luận nói: Tin thành tựu mà phát tâm, đây là tâm cuối của thập Tín. Phát ba loại tâm mới được vào địa vị Thập giải, đó là:

1. Trực tâm: Nghĩa là chánh niệm pháp chân như, tâm này tức tâm chí thành trong kinh Quán. Tâm chí thành và Trực tâm nghĩa thì giống nhau nhưng tên lại khác. Như kinh Duy-ma nói rõ: Hạnh đầu trong hai hạnh của Tịnh độ đạo tràng đều có ba tâm, giống như kinh Quán. Khi xét các kinh luận thấy nói rõ hạnh đầu của tất cả hạnh thấy đều phát ba tâm này, vì thế nên biết ba tâm này là hạnh đầu trong muôn hạnh, cho nên hễ được sinh về cõi kia liền ngộ vô sinh đến ngay Bát địa.

2. Thâm tâm: kinh Quán cũng gọi là thâm tâm.

3. Đại bi tâm: kinh Quán gọi là Hồi hướng phát nguyện tâm. Nếu không có tâm đại bi thì không thể phát nguyện hồi hướng. Đại bi tâm và Hồi hướng phát nguyện tâm nghĩa cũng giống nhau nhưng tên lại khác.

Ba tâm mà Khởi Tín luận nói đến đã được Bồ-tát ở địa vị cuối thập Tín phát, thế thì nên biết thượng phẩm thượng sinh trong kinh Quán rõ là tâm đầu trong Thập giải vậy. Nói sinh đến cõi kia được vô sinh pháp nhãn, tức là nhờ quán mà được vô sinh pháp nhãn vậy. Nếu như ngài Tuệ Viễn Pháp sư phán xét Bồ-tát Tứ địa là bậc thuộc thượng phẩm thượng sinh thì nguyện được sinh về cõi kia không phải trải qua thời tiết liền ngộ vô sinh pháp nhãn. Bồ-tát từ Tứ địa tu đến Bát địa phải trải qua nửa A-tăng-kỳ kiếp vậy.

Thượng phẩm trung sinh là Bồ-tát ở vào tâm ban đầu trong thập Tín. Kinh nói: Tin sâu nhân quả, không phỉ báng Đại thừa. Cho nên nếu chưa đến thập Tín, ở trong tà định thì không tin nhân quả, phỉ báng Đại thừa. Lại nữa, địa vị tín có mười tâm, trước hết là tín tâm. Nói sinh đến cõi kia trải qua một tiểu kiếp được vô sinh pháp nhãn, đây là nương vào lý được vô sinh pháp nhãn vậy. Vì ngày tháng ở cõi Cực lạc rất dài nên kinh nói: Một ngày một đêm ở thế giới Cực-lạc bằng một kiếp ở thế giới Sa-bà. Nếu ngài Tuệ Viễn pháp sư khẳng định rằng Bồ-tát Sơ địa như thế, thì vì sao nói chỉ trải qua một tiểu kiếp liền đến được Bát địa? Nên biết nếu số kiếp tính theo thế giới Sa-bà, Bồ-tát từ Sơ địa muốn tu đến Bát địa phải trải qua một đại A-tăng-kỳ kiếp.

Người sinh vào thượng phẩm hạ sinh bao gồm hết thủy phàm phu hướng thiện trước thập Tín, chỉ quy y Tam-bảo, thọ Bồ-tát giới trở lên đều được vãng sinh. Kinh nói: Những vị đó cũng tin nhân quả, nhưng

không phỉ báng Đại thừa, chỉ phát tâm đạo vô thượng. Nghĩa là ở tâm đầu bậc thập Tín phát tâm Bồ-đề được vào bất định vị, vị đó khi sinh về thế giới Cực lạc, trải qua ba tiểu kiếp đến được Sơ địa, số kiếp ở đây được tính theo cõi Cực lạc mà không theo cõi Sa-bà. Một kiếp ở thế giới Sa-bà bằng một ngày một đêm ở cõi An Lạc. Đã trải qua ba tiểu kiếp, lý là bậc Bồ-tát Sơ địa. Nếu ngài Tuệ Viễn pháp sư phán xét Bồ-tát Thập giải như thế, thì thế nào trải qua ba tiểu kiếp đến được Sơ địa? Bởi vì, Bồ-tát từ Thập giải muốn tu đến bậc Sơ địa phải trải qua A-tăng-kỳ kiếp thứ nhất. Ba phẩm bậc thượng đều là người tu theo Đại thừa, ba phẩm bậc trung phần nhiều là người tu theo Tiểu thừa.

Người sinh vào phẩm thượng bậc trung là bốn phương tiện sau trong bảy phương tiện của Tiểu thừa, tức địa vị Noãn, Đảnh, Nhẫn, Thế đệ nhất pháp. Kinh nói: Người nào thọ trì năm giới cho đến không tạo các tội lỗi ác nghiệp, do vì đạt được bốn phương tiện này và nhờ sức thiên định sẽ hàng phục Lậu hoặc Dục giới nên không khởi phiền não phá giới và ác nghiệp, vì phiền não phá giới và ác nghiệp ở trong Dục giới. Người này nếu sinh về Tịnh độ liền đắc quả A-la-hán, chỉ một đời đạt được quả Sa-môn thứ tư, tức là bậc đã chứng Niết-bàn ngay trong hiện tại. Như đối với ba quả Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, bậc hữu học Tiểu thừa chứng đắc tuy không định lúc nào nhưng vẫn được ngài Tuệ Viễn pháp sư phán xét rất cao.

Sinh vào Trung phẩm trung sinh là ba phương tiện trước từ Ngũ đình tâm quán trở đi. Kinh nói: Người nào một ngày, một đêm giữ giới Bát quan trai, cho đến một ngày, một đêm giữ giới cụ túc và oai nghi đầy đủ không cho thiếu sót, vì địa vị này tâm còn tán loạn chưa được định nên đối với phiền não phá giới không có pháp đối trị, không thể giữ giới và oai nghi lâu dài mà không thiếu sót được, thì ít nhất phải giữ gìn giới luật và oai nghi trải qua một ngày, một đêm thanh tịnh, sau đó đầu có phạm giới nhỏ cũng được vãng sinh. Vị này sinh về Tịnh độ, trải qua nửa kiếp đắc quả A-la-hán. Đây cũng là bậc chứng đắc Niết-bàn trong hiện tại, và thọ mạng ở cõi Tịnh độ rất lâu dài vậy. Nhưng ngài Tuệ Viễn pháp sư giải thích là có thể nhờ sức thiên định của bốn địa vị Noãn, Đảnh, Nhẫn, Thế đệ nhất sẽ hàng phục lậu hoặc Dục giới. Vì sao vậy? Vì trì giới được một ngày một đêm không phạm, như thế cũng được quả vị rất cao.

Sinh vào trung phẩm hạ sinh là tất cả phạm phu hướng thiện đã thọ ngũ giới trở đi chưa đến địa vị Ngũ đình tâm quán của Tiểu thừa. Kinh nói: Người hiếu dưỡng cha mẹ, ở đời làm việc nhân từ, tuy chưa

có thể nhập đạo quán hạnh nhưng có thể ở đời làm việc nhân từ. Ngoài ra bậc này cũng được phán xét như hai phẩm trước, như ngài Tuệ Viễn pháp sư phán xét là từ địa vị Ngũ đình tâm quán đến Tổng tướng niệm xứ, ba địa vị này hoặc được Văn tuệ, Tư tuệ hay Tu tuệ. Ở đời chỉ làm việc nhân từ, hiếu dưỡng cha mẹ mà cũng được vãng sinh thì thật là địa vị rất cao vậy. Nếu luận ba phẩm bậc hạ thì bao gồm tất cả phàm phu khởi ác tâm, chỉ tạo tội thập ác, ngũ nghịch hoặc dùng vật của thường trụ tặng, không biết hổ thẹn, giá như có bắt chước người khác mà thọ giới thì thọ rồi liền phá. Những người này khi lâm chung nếu gặp Thiện tri thức, dũng mãnh phát tâm Bồ-đề, chánh niệm nối nhau thì ngay lúc ấy liền được vãng sinh. Nếu không gặp thiện tri thức thì không thể dũng mãnh phát tâm Bồ-đề, nhất định đọa địa ngục. Nên kinh Quán nói: Người này phải đọa địa ngục, trải qua nhiều kiếp thọ khổ vô cùng. Nhưng chúng sinh đến lúc thọ mạng sắp hết, ác nghiệp oan gia, các khổ tranh nhau sinh khởi, niệm mười câu Phật hiệu cũng rất khó thành tựu, nếu được thành tựu người này nhất định vãng sinh Tịnh độ. Vả lại, hai đường thiện ác thay đổi mau chóng như trở bàn tay; giữa tức được vãng sinh, úp tức đọa địa ngục, trong lúc này cần phải nhờ sức hộ niệm của Thiện tri thức. Nếu người phá giới tâm sinh hổ thẹn, nương kinh Đại thừa sám hối tội lỗi tướng tội tiêu diệt, chuyên tâm niệm Phật và khởi quán hạnh thì đều được sinh vào hai bậc trên, không vào bậc dưới. Như ngài Tuệ Viễn pháp sư phán xét, đó là hàng phàm phu bình thường còn vướng thế tục.

Hỏi: Cửa Tịnh độ Phàm Thánh đều được vãng sinh, nay tôi muốn biết tông ý vãng sinh chính là hạng người nào?

Đáp: Xem xét việc bà Vi-đề-hy thưa thỉnh và ý nghĩa câu trả lời của Đức Như Lai, duy chỉ nói rằng Đức Như Lai vì tất cả phàm phu trong đời vị lai bị giặc phiền não làm hại mà thuyết giảng cõi nghiệp thanh tịnh, dạy mọi người vãng sinh, không nhất thiết phải là Bồ-tát. Nếu luận về các vị Bồ-tát thì các ngài phát tâm nguyện sinh vào ác đạo mà không nguyện sinh về Tịnh độ. Như các vị Bồ-tát từ Thập giải trở lên còn tự lưu hoặc thọ sinh, nhưng chỉ nguyện sinh vào ác đạo cứu chúng sinh khổ, mà không nguyện sinh về Tịnh độ. Văn nói về các vị Bồ-tát lưu hoặc thọ sinh, như kinh Duy-ma nói: Có vị Bồ-tát tâm không còn dính mắc vào các cảm thọ nhưng thị hiện bệnh tật và thọ nhận các cảm thọ, chưa đủ Phật pháp, cũng không diệt hết cảm thọ mà chứng đắc. Đây là văn kinh nói về Bồ-tát lưu hoặc thọ sinh. Lại Địa trì luận, Nhiếp Đại thừa luận đều có văn nói về các vị Bồ-tát lưu hoặc thọ sinh.

Nêu một cách tóm tắt, các bậc Thánh nhân và địa vị bảy phương tiện trong Tam thừa cho đến các vị đạo tiền phương tiện, hoặc nam hoặc nữ, không căn, hai căn cho đến các loài như rồng, quỷ và bát bộ, miễn là phát tâm Bồ-đề, chuyên niệm danh hiệu Đức Phật A-di-đà, nhằm chán cõi uế, ưa thích cõi tịnh, khi thọ mạng sắp hết, nếu chánh niệm hiện tiền thì đều được vãng sinh. Nếu vị nào dừng mãi tinh tấn, quán hạnh phân minh, tâm tối hậu lúc lâm chung bất loạn thì đều được sinh vào bậc thượng, cho đến tâm tối hậu khi lâm chung, niệm được mười câu Phật hiệu nối nhau rõ ràng đều sinh vào hạ phẩm bậc hạ. Trong đây, Bồ-tát vãng sinh có chín phẩm ba bậc, Nhị thừa vãng sinh có ba bậc thượng, trung, hạ, phàm phu vãng sinh cũng có ba bậc thượng trung hạ, mỗi mỗi đều có chín phẩm. Trong kinh không thể phân chia một cách chi li mà hiệp cả Đại thừa, Tiểu thừa và phàm phu để luận chung, nhưng chín phẩm vãng sinh thì thật có vô lượng sai biệt. Muốn biết rõ hãy xem bốn mươi tám đại nguyện của Đức Phật Di-đà và kinh Quán. Nếu luận về tông chỉ rộng lớn thì việc vãng sinh lấy phàm phu làm chính, còn Thánh nhân là thứ yếu, vì phàm phu nếu đọa vào ác đạo ở trong cõi uế thì không thể tu đạo phát tâm. Chỉ có kẻ phàm phu nào phỉ báng Đại thừa thì không được vãng sinh, vì đoạn mất thiện căn. Những hạng hữu học ngu pháp trong hàng Nhị thừa cũng không được vãng sinh, vì không tin có mười phương Tịnh độ. Những vị Bồ-tát không phát nguyện cầu sinh thì không được vãng sinh vì không có tâm ưa thích. Nếu là hàng Nhị thừa vô học thì không luận ngu pháp hay không ngu pháp, cầu sinh hay không cầu sinh đều được vãng sinh, vì không thể thọ sinh trong uế độ của Tam giới. Trí độ luận nói: Có Tịnh độ vi diệu ở ngoài ba cõi, các vị A-la-hán sẽ sinh về đó. Ở đây không luận các bậc hữu học.

CHƯƠNG III

Định Nhân Vãng Sinh.

(Tu hạnh nghiệp gì được vãng sinh tịnh độ).

Hỏi: Đã biết Phàm Thánh đều được vãng sinh, nhưng tôi chưa biết những vị này tu hạnh nghiệp gì mà được vãng sinh?

Đáp: Nay tôi dựa vào kinh luận nói ra hai loại nhân:

- Trước dẫn kinh luận rộng nói nhân này.
- Bỏ sự phiền toái mà ước lược nói rõ nhân này.

1. Trước trích dẫn kinh luận.

Như kinh Vô Lượng Thọ nói: Sinh về cõi kia gồm có ba bậc:

- a. Sinh vào bậc thượng phải tu ba nhân:

- Phải phát tâm Bồ-đề.
- Phải xuất gia.
- Phải chuyên niệm danh hiệu Đức Phật A-di-đà và gồm tu các điều phước thiện, hồi hướng phát nguyện thì được vãng sinh.

Xét về tông ý kinh này thì những vị sinh vào ba phẩm bậc thượng đều là người xuất gia.

b. Người sinh vào bậc trung cũng tu ba nhân:

- Phải phát tâm Bồ-đề.
- Phải chuyên niệm danh hiệu Đức Phật A-di-đà.
- Phải thọ trì trai giới, xây tháp tạo tượng, lo các thức ăn uống cho chúng tăng, đốt hương rải hoa, đèn nhang cúng dường. Ngoài ra hành giả còn phải tu tập các hạnh nguyện khác như đã nói ở trước.

Những vị này đều là người thế tục. Kinh nói: Vì không thể từ bỏ thế tục làm vị Sa-môn.

c. Người sinh vào bậc hạ cũng tu ba nhân:

- Phải phát tâm Bồ-đề.
- Phải chuyên niệm danh hiệu Đức Phật A-di-đà, cho đến mười niệm.
- Phải nghe nghĩa sâu mầu, tin ưa không có nghi ngờ. (Bậc này thông cả người đạo kẻ tục, đây là ý chỉ kinh Vô Lượng Thọ).

Lại như kinh Vô Lượng Thanh Tịnh Bình Đẳng Giác nói: Muốn sinh vào bảo quốc Vô Lượng Thanh Tịnh Bình Đẳng, gồm có ba bậc:

Bậc thứ nhất: Những ai muốn sinh vào nước này phải từ bỏ vợ con, cắt đứt ái dục làm vị Sa-môn, không được giao phối với người nữ, thực hành sáu pháp Ba-la-mật, trai giới thanh tịnh, luôn giữ tâm chí thành, nếu trong lúc chiêm bao thấy Phật thì được vãng sinh.

Bậc thứ hai: Những vị sinh vào bậc này phải trì kinh, thọ giới, bố thí, lo các thức ăn uống cho các vị Sa-môn, tâm từ bi không sân hận, dùng hương hoa cúng dường, giữ tâm như thế nếu một ngày một đêm không dứt thì được sinh về cõi này.

Bậc thứ ba: Những vị sinh vào nước này phải đoạn ái dục, tâm từ bi không sân hận, giữ trai giới thanh tịnh, nếu nhất tâm niệm Phật mười ngày mười đêm không dứt liền được vãng sinh.

(Đây là điểm giống nhau chủ yếu giữa kinh Vô Lượng Thanh Tịnh Bình Đẳng Giác và kinh Vô Lượng Thọ).

Lại như kinh A-di-đà Cổ Âm Thanh Vương nói: Như có người thọ trì danh hiệu Đức Phật A-di-đà, luôn giữ cho tâm mình kiên cố, nhớ niệm không quên, sao cho mười ngày mười đêm, trừ bỏ tán loạn, tinh

cầu tu tập niệm Phật Tam-muội, biết Đức Phật A-di-đà thường ở thế giới An Lạc mà nhớ niệm nối nhau liên tục, chớ để đứt mất; Ngoài ra những vị này còn phải thọ trì đọc tụng kinh Cổ Âm Thanh Vương này mười ngày mười đêm, sáu thời chuyên tụng niệm, kính lễ Đức Phật năm vóc sát đất, niệm niệm nối nhau không đứt thì trong khoảng mười ngày ắt được thấy Phật, ngoại trừ những kẻ bị nghiệp chướng trầm trọng. (Đây là kinh Cổ Âm Thanh Vương, kinh này nói rõ hiện tại khi chưa chết được thấy Phật).

Lại như kinh Quán nói: Một là phải giữ ba nghiệp thanh tịnh, hai là phải thực hành mười sáu phép quán. Hai nhân này vì giảng bày rộng rãi không thể trích dẫn đầy đủ nên chỉ nêu ra một cách tổng quát thôi.

Lại như tiểu kinh A-di-đà nói: Như có thiện nam, thiện nữ nào nghe nói về Đức Phật A-di-đà rồi chấp trì danh hiệu của Ngài hoặc một ngày cho đến bảy ngày, niệm danh hiệu A-di-đà Phật cho được nhất tâm bất loạn, người này khi sắp mạng chung được Đức Phật A-di-đà và Thánh chúng hiện ra trước mặt, nếu khi đó người này tâm không điên đảo thì được vãng sinh. (Đây là kinh A-di-đà nói: Nếu người nào trong bảy ngày niệm Phật nhất tâm bất loạn thì được vãng sinh).

Lại như kinh Đại Tập nói: Đức Phật hỏi Bồ-tát Hiền Hộ rằng: Sao gọi là Tam-muội hiện tiền? Nếu có vị Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di nào trì giới thanh tịnh, ở một mình nơi thanh vắng, dầu ở nơi đâu vị đó nếu nghe nói về Đức Phật A-di-đà ở cõi Tây phương, nghe rồi liền nghĩ như vậy: “Như mình được nghe về Đức Phật A-di-đà, hiện nay Ngài đang ở cõi Tây phương thuyết pháp cho các vị Bồ-tát.” Người đó nương vào những điều mình nghe rồi nhớ nghĩ tư duy quán sát không thôi một cách rõ ràng, cuối cùng cũng được thấy Đức Phật A-di-đà. Ví như có người nam, người nữ đang nằm chiêm bao thấy đủ các thứ, như vàng, bạc, trân bảo, những điều người đó thấy hoặc trái hoặc thuận, hoặc buồn hoặc vui. Lúc thức dậy đem kể hết cho người khác, rồi theo các việc nghĩ nhớ trong chiêm bao mà sinh vui buồn. Cũng giống như thế, này Hiền Hộ, thiện nam, thiện nữ kia tưởng niệm Đức Phật A-di-đà có tướng tốt, oai nghi như thế, đại chúng và sự thuyết pháp của Ngài như thế, rồi buộc niệm tư duy hoặc một ngày, hoặc một đêm, nhờ niệm tưởng đầy đủ nên chắc chắn thấy Đức Phật A-di-đà. Nếu như ban ngày không thể thấy được thì khi ngủ, Đức Phật A-di-đà ắt sẽ hiện ra trong mộng. (Đây là kinh Đại Tập Hiền Hộ Bồ-tát. Trong kinh này Phật dạy mọi người tưởng Phật ắt được thấy Phật).

Lại như Vãng sinh luận nói: Nếu vị nào tu pháp môn năm niệm thì

được vãng sinh. Những gì là năm niệm?

1. Lễ bái.
2. Tán thán.
3. Phát nguyện.
4. Quán sát.
5. Hồi hướng.

(Vãng sinh luận dạy mọi người tu hành Năm niệm thì được vãng sinh, luận này do Bồ-tát Thiên Thân tạo).

Lại như Đại thừa Khởi Tín luận nói: Lại nữa, chúng sinh vì mới học pháp này nên trong tâm sinh ra khiếp nhược lo sợ, tín tâm khó có thể thành tựu, ý muốn thối lui. Vì vậy Đức Như Lai lập ra phương tiện thù thắng để nhiếp hộ tín tâm, nghĩa là lấy nhân duyên chuyên tâm niệm Phật, rồi tùy theo bốn nguyện mà được sinh về cõi Phật ở phương khác. Như kinh nói: Nếu có người nào chuyên tưởng niệm Đức Phật A-di-đà ở cõi Tây phương, tất cả việc lành mình tạo ra đều đem hồi hướng, nguyện cầu sinh về thế giới Tịnh độ thì người đó sẽ được vãng sinh. (Đây là bộ Khởi Tín luận do Bồ-tát Mã Minh tạo, luận này dạy mọi người niệm Phật phát nguyện hồi hướng thì được vãng sinh).

Lại như trong Đại thừa Thập Trụ Tỳ-bà-sa luận, Bồ-tát Long Thọ dạy mọi người lễ bái, tán thán Đức Phật A-di-đà thì được vãng sinh. (Văn lễ tán này được trình bày đầy đủ ở trong chương Dẫn Thánh giáo môn thứ năm. Ở đây chỉ trích dẫn sơ lược ý của chương ba, chương năm và chương đầu).

2. Bỏ chỗ phiến toái, ước lược nói rõ nhân này.

Hỏi: Như trên ngài đã trích dẫn kinh luận để nói rõ nhân duyên vãng sinh, nhưng văn nghĩa lại quá rộng tôi khó có thể cứu xét. Nay mong Ngài rút ra những điều cốt yếu, lược nói nhân này khiến các hành giả dễ tu, dễ học.

Đáp: Đúng vậy. Như trên tôi đã trích dẫn kinh luận nhưng vì đối cơ lập giáo nên ông khó có thể cứu xét. Nay hãy bỏ chỗ rộng nhiều mà ước lược nói ra nhân này. Nhân này có hai loại: Đó là Thông nhân và Biệt nhân.

a. Thông nhân: Như trong kinh Vô Lượng Thọ đã nói, những vị sinh vào ba bậc đều phải phát tâm Bồ-đề, và trong kinh Quán nói mọi người đều phải tu đủ cả tam phước tịnh nghiệp mới được vãng sinh. Những nhân này đều là thông nhân. Thông nhân có hai:

1. Thấu rõ mười phương Tịnh độ.
2. Thấu suốt Tịnh độ ba đời.

Cho nên kinh Quán nói: Như các nghiệp quá khứ, vị lai, hiện tại, ba loại nghiệp này là chánh nhân tịnh nghiệp của chư Phật ba đời.

b. Biệt nhân: Nhân này có vô lượng, nhưng cốt yếu chỉ có hai. Đó là sở cầu và năng cầu.

1. Sở cầu có hai loại:

Phải nêu riêng một phương để tâm chúng sinh có nơi quy hướng. Như nêu riêng thế giới Cực lạc ở phương Tây và cầu vãng sinh về đó. Đây tức là khí thế gian tịnh.

Riêng niệm mỗi một Đức Phật và tôn Đức Phật đó làm bậc sư phạm, còn mình nguyện làm đệ tử để được thân cận cúng dường. Đây tức là chúng sinh thế gian tịnh.

2. Năng cầu: Trong các nhân vừa được nêu ra thì nhân này là chính. Nhân này được phân làm sáu:

1. Chỉ niệm mỗi một danh hiệu Đức Phật A-di-đà.

2. Phải lễ bái.

3. Phải tán thán.

4. Phải phát nguyện.

5. Phải quán sát.

6. Phải hồi hướng.

- Đối với việc niệm Phật, lại có hai phương pháp: Đó là tâm niệm và khẩu niệm:

1. Tâm niệm: có hai.

- Niệm sắc thân Phật: Nghĩa là thân Đức Phật A-di-đà có tám vạn bốn ngàn tướng, mỗi tướng có tám vạn bốn ngàn đức tốt, mỗi đức tốt có tám vạn bốn ngàn quang minh...

- Niệm trí thân Phật: Nghĩa là Đức Phật A-di-đà có năm phần pháp thân, đại Từ đại bi, đầy đủ sức vô úy...

2. Khẩu niệm: Nếu tâm không có khả năng niệm tưởng thì phải nhờ khẩu niệm giúp sức, nhờ khẩu niệm để dẫn tâm, khiến tâm không tán loạn. Như kinh nói: Nếu có người niệm danh hiệu Đức Phật A-di-đà được trăm vạn biến trở lên thì người đó quyết định sẽ sinh về thế giới Cực lạc. Thiên sư Đạo Xước kiểm xét và thấy đúng như kinh đã nói. Nếu người nào trong bảy ngày có thể chuyên tâm niệm Phật thì sẽ được trăm vạn biến. Do nghĩa này mà trong kinh phần nhiều nói “Thất nhật niệm Phật” vậy.

- Phải lễ bái: Mặt phải hướng về Tây phương tưởng niệm Đức Phật A-di-đà như đang đối trước tôn nhan của Ngài, tay dâng hoa hương một cách trang nghiêm, miệng xưng danh hiệu Phật, đánh lễ ba lạy,

năm vóc sát đất, nguyện sinh về Tây phương, đồng thời nên tán thán và đảnh lễ Bồ-tát Long Thọ mười hai lạy. Nghĩa là kính lạy Đức Phật A-di-đà, đấng Lương túc tôn, được trời, người cung kính, là giáo chủ cõi nước An Lạc vì điều có vô lượng chúng đệ tử nhiều quanh... (Phần này do ngài Thiên-na Tam tạng riêng dịch ra).

- Phải tán thán: Phải riêng tán thán Đức Phật A-di-đà, hoặc sắc thân, trí thân hay chánh báo, y báo của Ngài. Khi đứng, ngồi đều hướng thẳng phương Tây như đối trước tôn nhan, nhất tâm tán thán nguyện sinh Tịnh độ. Có thể tụng đọc văn tán thán này trong vãng sinh luận và kệ tụng của Bồ-tát Long Thọ trong Đại thừa Thập trụ Tỳ-bà-sa luận.

- Phải phát nguyện: Chỉ phát nguyện cầu sinh Cực lạc, hoặc nguyện mình vãng sinh, chúng sinh vãng sinh, hoặc nguyện khi lâm chung Đức Phật Thích-ca đưa tiễn, Đức Phật Di-đà đến rước, hoặc nguyện thường dạo chơi Tịnh độ, hoặc nguyện mãi mãi lìa bỏ thai hình, hoặc nguyện khi lâm chung thân tâm an ổn, hoặc nguyện chánh niệm hiện tiền. Đó là tùy tâm mà phát mỗi mỗi sở nguyện như thế. Như bài kệ trong Bảo Tánh luận phát nguyện rằng:

Nhờ các công đức này.

Nguyện vào lúc mạng chung.

Được thấy Phật Di-đà.

Thân vô biên công đức.

Con cùng các tín giả.

Đã thấy Đức Phật rồi.

Nguyện được mắt trong sáng.

Chúng vô thượng Bồ-đề.

- Phải quán sát: Phải riêng nêu y báo, chánh báo cõi Tây phương, mỗi mỗi đều quán sát. Như mười sáu pháp quán trong kinh Quán, bảy pháp trước là y báo, chín pháp sau là chánh báo. Lại như trong Vãng sinh luận, về y báo có mười bảy việc trang nghiêm, còn đối với chánh báo thì Phật có tám việc trang nghiêm, các vị Bồ-tát chỉ có bốn. Trong các việc trang nghiêm của y báo, chánh báo của Phật mỗi mỗi quán sát, nếu quán một pháp được thành tựu thế nhất định vãng sinh.

- Phải hồi hướng: Trong pháp này có hai:

1. Đem công đức của mình hồi hướng cho chúng sinh cùng sinh Tịnh độ.

2. Đem công đức mà mình tạo ra từ trước đến nay và công đức đời này, hoặc nhiều hay ít, hoặc phước hay trí đều nguyện hồi hướng cầu sinh về cõi Cực lạc.

Hỏi: Như trên ngài đã nói rõ Thông nhân và Biệt nhân, nhưng tu cả hai nhân này là điều rất khó. Vì phàm phu trí cạn sức yếu, e họ nghĩ rằng mình sẽ mất phần. Vì thế nay mong Ngài rút ra những điều cốt yếu và nói một cách sơ lược.

Đáp: Trên nói rõ Thông nhân và Biệt nhân là đã đầy đủ cho bậc thượng căn, còn như đối với hàng trung căn, hạ căn thì tóm yếu chỉ có năm pháp:

a. Trước phải sám hối tất cả ác nghiệp chướng đạo từ vô thủy đến nay, vì sợ rằng những ác nghiệp này sẽ ngăn trở việc vãng sinh Tịnh độ. Đây là những điều mà kinh Phương Đẳng, kinh Phật Danh đã nói.

b. Phải phát tâm Bồ-đề: Nếu không phát tâm Bồ-đề thì hành giả sẽ tránh khổ chạy theo thú vui, e rằng không được vãng sinh. Tâm Bồ-đề lược có ba:

- Tâm đoạn tất cả điều ác.
- Tâm tu tất cả điều thiện.
- Tâm hóa độ tất cả chúng sinh.

(Đây là dựa vào kinh Vô Lượng Thọ. Như vãng sinh và ba bậc, bậc nào cũng đều nói đến việc phát tâm Bồ-đề).

c. Phải chuyên niệm danh hiệu Đức Phật A-di-đà, trang nghiêm riêng một đạo tràng, đốt hương rải hoa, đèn nhang đầy đủ, thỉnh một tôn tượng Đức Phật A-di-đà an vị trong đó. Mặt tôn tượng hướng về phía Đông, hành giả hướng về phía Tây, hoặc trong bảy ngày (kinh A-di-đà nói bảy ngày), hoặc mười ngày (kinh Cổ Âm Thịnh Vương, kinh Thanh Tịnh Bình Đẳng Giác nói mười ngày), giảm bớt ngủ nghỉ, trừ bỏ tán loạn. Chỉ trừ khi đại tiện, tiểu tiện và ăn cơm. Phải nhất tâm chuyên niệm, lúc phiên muện liền khởi niệm, không phải lễ bái, đi nhiều. Chỉ niệm Phật trong bảy ngày đầy đủ kỳ hạn, sau khi rời đạo tràng, dù có đi đứng ngồi nằm, hoặc lúc nhàn hạ cũng phải luôn luôn niệm Phật, thường niệm danh hiệu Phật có ba lợi ích:

- Do thường niệm nên các giác quán ác rất ráo không sinh, cũng được tiêu trừ chướng nghiệp.

- Do thường niệm nên thiện căn tăng trưởng, cũng là gieo trồng nhân duyên thấy Phật.

- Do thường niệm nên sự huân tập được sâu dày sắc bén, đến khi mạng chung chánh niệm hiện tiền.

d. Phải quán sát tổng tướng thế giới Cực lạc, nghĩa là quán sát đất ao, lầu gác, vườn rừng như thế, Đức Phật A-di-đà như thế, tòa sen, tướng hảo như thế, đồ chúng và sự thuyết pháp của Ngài như thế (đây

là cách giáo hóa chúng sinh trong kinh Đại tập Hiền Hộ). Người nào quán sát tổng tướng như thế thì nhất định được vãng sinh, vì tam giới do tâm tạo vậy.

e. Dem các công đức mình tạo ra hoặc ở quá khứ hoặc trong đời này đều hồi hướng nguyện sinh về cõi nước An Lạc.

Nếu hành giả có thể tu hành đầy đủ năm pháp trên đây thì ắt được vãng sinh, xin chớ nghi ngờ. Như kinh Pháp Hoa nói: “Ta nay vì ông mà bảo đảm việc này, nhất định không hư dối.” Tôi cũng như thế, xin bảo đảm việc này, nhất định không dối gạt các ông vậy.